



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 233 + 234

Ngày 01 tháng 4 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|-------------|---|----|
| 28-02-2025- | Quyết định số 790/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nhà ở, Kinh doanh bất động sản, Hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng. | 3 |
| 28-02-2025- | Quyết định số 818/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố. | 58 |
| 28-02-2025- | Quyết định số 819/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. | 62 |

- 04-3-2025- Quyết định số 863/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Khu công nghiệp, Khu kinh tế thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố. 66
- 14-3-2025- Quyết định số 993/QĐ-UBND công bố danh mục luồng đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn năm 2024 đến năm 2026. 69

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 790/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nhà ở,
Kinh doanh bất động sản, Hoạt động xây dựng thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Sở Xây dựng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1491/TTr-SXD-VP ngày 19 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 93 thủ tục hành chính các

lĩnh vực Nhà ở, Kinh doanh bất động sản, Hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng, gồm: 11 thủ tục mới ban hành, 35 thủ tục thay thế, 47 thủ tục bãi bỏ (trong đó có 42 bãi bỏ do được thay thế).

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn/chinhquyen> (CÔNG BỐ TTHC, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, Công bố thủ tục hành chính).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Công Thương, Trưởng ban Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp, Trưởng ban Ban Quản lý Khu công nghệ cao, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Ngọc Hải

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÁC LĨNH VỰC NHÀ Ở, KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN,
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

A1. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Xây dựng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực Nhà ở						
1	Thủ tục thông báo đủ điều kiện được huy động vốn thông qua việc góp vốn, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên kết của tổ chức và cá nhân để phát triển nhà ở	Không quá 15 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Xây dựng	Không	- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023; - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; - Quyết định số 891/QĐ-BXD ngày 25/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
2	Thủ tục chuyển	Không quá	Sở Xây	Không	- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	45 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	dựng		<p>ngày 27/11/2023;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 98/2024/NĐ-CP ngày 25/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư; - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở; - Quyết định số 891/QĐ-BXD ngày 25/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. 	
3	Thủ tục thông báo đơn vị đủ điều kiện quản lý vận hành nhà chung cư đối với trường hợp nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng	Không quá 30 ngày, kể từ ngày Sở Xây dựng nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Xây dựng	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023; - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; - Quyết định số 891/QĐ-BXD ngày 25/9/2024 của Bộ trưởng Bộ 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
4	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	Không quá 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Xây dựng	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023; - Nghị định số 98/2024/NĐ-CP ngày 25/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư; - Quyết định số 891/QĐ-BXD ngày 25/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. 	
5	Thủ tục điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng	Không quá 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Xây dựng	Không	Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	nguồn vốn đầu tư công					
6	Thủ tục đề xuất cơ chế ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 198 của Luật Nhà ở 2023	Không quá 50 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Xây dựng	Không		
II. Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản						
1	Cấp giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Sở Xây dựng	Không	- Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 ngày 28/11/2023; - Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản;	
2	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy, bị tiêu hủy, bị	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Sở Xây dựng	Không	- Quyết định số 5100/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền Sở Xây dựng thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản trên địa bàn Thành phố; - Quyết định số 907/QĐ-BXD	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	hồng)				ngày 04/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
3	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp thay đổi thông tin của sàn)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Sở Xây dựng	Không		
4	Đăng ký cấp quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh	Không quá 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu	Sở Xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024; - Thông tư số 82/2024/TT-BTC ngày 25/11/2024 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 ngày 28/11/2023; - Nghị định số 94/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản về xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản; - Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; - Thông tư số 82/2024/TT-BTC 	Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					ngày 25/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng kinh phí xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản; - Quyết định số 907/QĐ-BXD ngày 04/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	

A2. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Nhà ở						
1	Thủ tục công nhận Ban Quản trị	Không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ	Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ	Không	- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023; - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		sơ hợp lệ	Đức		<p>quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;</p> <p>- Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;</p> <p>- Quyết định số 891/QĐ-BXD ngày 25/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p>	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ

B1. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Xây dựng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực Nhà ở						
1	Thủ tục thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương	Không quá 30 ngày, kể từ nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Xây dựng	Không	<p>- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023;</p> <p>- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					thi hành một số điều của Luật Nhà ở; - Quyết định số 891/QĐ-BXD ngày 25/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
2	Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở	Không quá 30 ngày, kể từ nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Xây dựng, đơn vị quản lý vận hành nhà ở (đối với nhà ở do địa phương quản lý). - Cơ quan quản lý nhà ở thuộc Bộ Quốc phòng, đơn vị quản lý vận hành nhà ở (đối 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023; - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; - Quyết định số 891/QĐ-BXD ngày 25/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			với nhà ở do Bộ Quốc phòng quản lý).			
3	Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp người đang sử dụng nhà ở nhận chuyển quyền thuê nhà ở trước ngày 06 tháng 6 năm 2013 (ngày Nghị định số 34/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành); không quá 45 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp người đang thực tế sử dụng nhà ở là người 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Xây dựng, đơn vị quản lý vận hành nhà ở (đối với nhà ở do địa phương quản lý). - Cơ quan quản lý nhà ở thuộc Bộ Quốc phòng, đơn vị quản lý vận hành nhà ở (đối với nhà ở do Bộ Quốc phòng quản lý). 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023; - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; - Quyết định số 891/QĐ-BXD ngày 25/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		nhận chuyển quyền thuê nhà ở từ ngày 06 tháng 6 năm 2013: không quá 25 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ.				
4	Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê	Không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none">- Sở Xây dựng, đơn vị quản lý vận hành nhà ở (đối với nhà ở thuộc địa phương quản lý)- Cơ quan quản lý nhà ở thuộc Bộ Quốc phòng, đơn vị quản lý vận hành nhà ở được	Không	<ul style="list-style-type: none">- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023;- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;- Quyết định số 891/QĐ-BXD ngày 25/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Bộ Quốc phòng giao thực hiện (đối với nhà ở thuộc Bộ Quốc phòng quản lý)			
5	Thủ tục bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	Không quá 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Xây dựng, đơn vị quản lý vận hành nhà ở (đối với nhà ở thuộc địa phương quản lý) - Cơ quan quản lý nhà ở thuộc Bộ Quốc phòng, đơn vị quản lý vận hành nhà ở được Bộ Quốc phòng giao thực hiện 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023; - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; - Quyết định số 891/QĐ-BXD ngày 25/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			(đối với nhà ở thuộc Bộ Quốc phòng quản lý)			
6	Thủ tục giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công	Không quá 50 ngày, kể từ ngày đơn vị quản lý vận hành tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc không quá 45 ngày, kể từ ngày Sở Xây dựng tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Xây dựng, đơn vị quản lý vận hành nhà ở	Không	<ul style="list-style-type: none">- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023;- Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;- Quyết định số 891/QĐ-BXD ngày 25/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
7	Thủ tục thẩm định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Xây dựng	Không	<ul style="list-style-type: none">- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023;- Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>nhà ở xã hội;</p> <ul style="list-style-type: none">- Quyết định số 891/QĐ-BXD ngày 25/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;- Công văn số 6395/UBND-ĐT ngày 21/10/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thẩm định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng không bằng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn và thẩm định giá bán, giá thuê mua nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân được đầu tư xây dựng không bằng vốn đầu tư công.	
8	Thủ tục cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do Nhà nước đầu tư xây	Không quá 30 ngày, kể từ ngày đơn vị tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ	Sở Xây dựng, đơn vị quản lý vận hành nhà ở	Không	<ul style="list-style-type: none">- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023;- Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	dụng bằng vốn đầu tư công	hợp lệ.			<p>thi hành một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;</p> <ul style="list-style-type: none">- Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế phối hợp giữa Sở Xây dựng, Sở Tư pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện trong công tác cung cấp thông tin của đối tượng mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội và chế độ hậu kiểm để đảm bảo đối tượng mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;- Quyết định số 891/QĐ-BXD ngày 25/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
II. Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản						
1	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đầu tư	Không quá 60 ngày, kể từ nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Xây dựng	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 ngày 28/11/2023; - Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản; - Quyết định số 5100/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền Sở Xây dựng thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản trên địa bàn Thành phố; - Quyết định số 907/QĐ-BXD ngày 04/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. 	
2	Chuyển nhượng	Tối đa 45 ngày,	Sở Xây	Không	- Luật Kinh doanh bất động sản	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc đầu tư	kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	dựng		số 29/2023/QH15 ngày 28/11/2023; - Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản; - Quyết định số 5100/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền Sở Xây dựng thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản trên địa bàn Thành phố; - Quyết định số 907/QĐ-BXD ngày 04/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
3	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện	Không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ nhận đủ hồ	Sở Xây dựng	Không	- Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 ngày 28/11/2023; - Nghị định số 96/2024/NĐ-CP	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	được bán, cho thuê mua	sơ hợp lệ			<p>ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 5100/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền Sở Xây dựng thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản trên địa bàn Thành phố; - Quyết định số 907/QĐ-BXD ngày 04/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. 	
4	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	Trong thời hạn 10 ngày kể từ công bố kết quả thi sát hạch	Sở Xây dựng	Theo quy định pháp luật về phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 ngày 28/11/2023; - Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản; 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none">- Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 05/02/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ủy quyền cho Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức kỳ thi sát hạch và cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản;- Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 05/02/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện một số nội dung liên quan đến công tác tổ chức thi sát hạch và cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản;- Quyết định số 907/QĐ-BXD ngày 04/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
5	Cấp lại chứng	Trong thời hạn	Sở Xây	Theo quy định	- Luật Kinh doanh bất động sản	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	chỉ hành nghề môi giới bất động sản (Trường hợp chứng chỉ bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại chứng chỉ do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác)	10 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ	dựng	pháp luật về phí, lệ phí	số 29/2023/QH15 ngày 28/11/2023; - Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản; - Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 05/02/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ủy quyền cho Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức kỳ thi sát hạch và cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; - Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 05/02/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện một số nội dung liên quan đến công tác tổ chức thi sát hạch và cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; - Quyết định số 907/QĐ-BXD ngày 04/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					mới, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
6	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (Trường hợp chứng chỉ cũ bị hết hạn hoặc sắp hết hạn)	Trong thời hạn 10 ngày kể từ công bố kết quả thi sát hạch	Sở Xây dựng	Theo quy định pháp luật về phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none">- Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 ngày 28/11/2023;- Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản;- Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 05/02/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ủy quyền cho Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức kỳ thi sát hạch và cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản;- Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 05/02/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện một số nội dung liên quan đến công tác tổ chức thi	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					sát hạch và cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; - Quyết định số 907/QĐ-BXD ngày 04/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
III. Lĩnh vực Hoạt động xây dựng						
1	Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	- Trả kết quả đánh giá hồ sơ (thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đủ/không đủ điều kiện sát hạch, thông báo thời điểm tổ chức thi sát hạch): 45 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ.	Sở Xây dựng	- Lệ phí nộp hồ sơ theo quy định tại Tiêu mục 21.3 Mục III Bảng B Phụ lục số 01 của Luật Phí và Lệ phí năm 2015. - Chi phí sát hạch theo quy định của Bộ Xây dựng.	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Quyết định số 1334/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		- Trả chứng chỉ hành nghề (cá nhân đạt sát hạch): 10 ngày kể từ ngày sát hạch.			Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
2	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Xây dựng	Lệ phí nộp hồ sơ theo quy định tại Tiêu mục 21.3 Mục III Bảng B Phụ lục số 01 của Luật Phí và Lệ phí năm 2015.	<ul style="list-style-type: none">- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;- Quyết định số 1334/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
3	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề của cá nhân là người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Xây dựng	Lệ phí nộp hồ sơ theo quy định tại Tiêu mục 21.3 Mục III Bảng B Phụ lục số 01 của Luật Phí và Lệ phí năm 2015.	<ul style="list-style-type: none">- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;- Quyết định số 1334/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
4	Cấp mới chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Xây dựng	Lệ phí nộp hồ sơ theo quy định tại Tiêu mục 21.2 Mục III Bảng B Phụ lục số 01 của Luật Phí	<ul style="list-style-type: none">- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				và Lệ phí năm 2015.	ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Quyết định số 1334/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
5	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	- 05 ngày đối với trường hợp cấp lại chứng chỉ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 95 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ hoặc cấp lại chứng chỉ bị ghi sai do	Sở Xây dựng	Lệ phí nộp hồ sơ theo quy định tại Tiểu mục 21.2 Mục III Bảng B Phụ lục số 01 của Luật Phí và Lệ phí năm 2015.	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Quyết định số 1334/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ. - 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các trường hợp khác.			Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
6	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Xây dựng	Theo quy định tại Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022, Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ Tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư; - Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ Tài 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến;</p> <p>- Quyết định số 1334/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p>	
7	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Xây dựng	Theo quy định tại Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022, Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ Tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Thông tư số 38/2022/TT-BTC 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư;</p> <p>- Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ trưởng Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến;</p> <p>- Quyết định số 1334/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p>	

B2. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của các Sở, Ban Quản lý

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Hoạt động xây dựng						

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: - Không quá 40 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt; - Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 20 ngày đối với công trình còn lại	- Sở Xây dựng; - Sở Giao thông vận tải; - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Sở Công Thương; - Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp; - Ban Quản lý Khu công nghệ cao.	- Thông tư số 27/2023/TT-BTC - Thông tư số 44/2023/TT-BTC	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền	* Bổ sung nội dung được phân cấp theo quy định tại Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ: Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án nhóm A có công trình cấp cao nhất từ cấp II trở xuống, dự án nhóm B có công trình cấp cao nhất là công trình dân dụng cấp I sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công, vốn khác theo quy định của pháp luật về xây dựng. * Cơ quan thực hiện: - Sở Xây dựng: đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>Thành phố Hồ Chí Minh;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Quyết định số 1334/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Công văn số 2060/UBND-ĐT ngày 18/5/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với công trình đường bộ trong đô 	<p>đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sở Giao thông vận tải: đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, cầu đường bộ, hầm đường bộ trong đô thị theo địa giới đô thị xác định tại quy hoạch đô thị. - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị).	và phát triển nông thôn. - Sở Công Thương: đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý). - Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp, Ban Quản lý Khu công nghệ cao: đối với các dự án, công trình được đầu tư xây dựng tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao được giao quản lý.
2	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều	- Dự án nhóm A không quá 35 ngày; - Dự án nhóm B không quá	- Sở Xây dựng; - Sở Giao thông vận tải; - Sở Nông nghiệp và	Thông tư số 28/2023/TT-BTC	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;	* Bổ sung nội dung được phân cấp theo quy định tại Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ: Thẩm định Báo

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	chính	25 ngày; - Dự án nhóm C không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Phát triển nông thôn; - Sở Công Thương; - Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp; - Ban Quản lý Khu công nghệ cao.		<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một 	<p>cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng đối với dự án nhóm A có công trình cấp cao nhất từ cấp II trở xuống, dự án nhóm B có công trình cấp cao nhất là công trình dân dụng cấp I sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công, vốn khác theo quy định của pháp luật về xây dựng.</p> <p>* Cơ quan thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sở Xây dựng: đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng. - Sở Giao thông vận tải: đối với dự án,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;</p> <p>- Quyết định số 1334/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;</p> <p>- Công văn số 2060/UBND-ĐT ngày 18/5/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với công trình đường bộ trong đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị).</p>	<p>công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, cầu đường bộ, hầm đường bộ trong đô thị theo địa giới đô thị xác định tại quy hoạch đô thị.</p> <p>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn.</p> <p>- Sở Công Thương: đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (trừ dự</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>án, công trình do Sở Xây dựng quản lý).</p> <p>- Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp, Ban Quản lý Khu công nghệ cao: đối với các dự án, công trình được đầu tư xây dựng tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao được giao quản lý.</p>
3	<p>Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công</p>	<p>20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>- Sở Xây dựng; - Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất; - Ban Quản lý Khu công nghệ cao.</p>	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp: 150.000 đồng/giấy phép. Đối tượng miễn thu: Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng - Nộp hồ sơ trực tuyến từ ngày 01/01/2025 đến ngày</p>	<p>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây</p>	<p>* Cơ quan thực hiện (theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố): - Sở Xây dựng: công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (trừ các công trình thuộc thẩm quyền của Ban quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất, Ban Quản lý Khu công nghệ cao). - Ban Quản lý các</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)			31/12/2025: 0 đồng.	dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; - Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 19/5/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức thu lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí	Khu chế xuất và công nghiệp: đối với các công trình cấp I, cấp II được đầu tư xây dựng trong các khu chế xuất, khu công nghiệp. - Ban Quản lý Khu công nghệ cao: đối với các dự án, công trình thuộc phạm vi quản lý.
4	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Sở Xây dựng; - Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất; - Ban Quản lý Khu công nghệ cao.	- Nộp hồ sơ trực tiếp: 150.000 đồng/giấy phép. Đối tượng miễn thu: Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng - Nộp hồ sơ trực tuyến từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025: 0 đồng.		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	án)				Minh;	
5	Cấp Giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Sở Xây dựng; - Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất; - Ban Quản lý Khu công nghệ cao.	- Nộp hồ sơ trực tiếp: 150.000 đồng/giấy phép. Đối tượng miễn thu: Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng - Nộp hồ sơ trực tuyến từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025: 0 đồng.	- Quyết định số 1334/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
6	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Sở Xây dựng; - Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất;	- Nộp hồ sơ trực tiếp: 150.000 đồng/giấy phép. Đối tượng miễn thu: Trẻ em, hộ nghèo, người		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)		- Ban Quản lý Khu công nghệ cao.	cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng - Nộp hồ sơ trực tuyến từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025: 0 đồng.		
7	Gia hạn giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Sở Xây dựng; - Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất; - Ban Quản lý Khu công nghệ cao.	- Nộp hồ sơ trực tiếp: 15.000 đồng/giấy phép. Đối tượng miễn thu: Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng - Nộp hồ sơ trực tuyến từ ngày		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)			01/01/2025 đến ngày 31/12/2025: 0 đồng.		
8	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Xây dựng; - Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất; - Ban Quản lý Khu công nghệ cao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp: 15.000 đồng/giấy phép. Đối tượng miễn thu: Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng - Nộp hồ sơ trực tuyến từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025: 0 đồng. 		

B3. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các Ban Quản lý

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Hoạt động xây dựng						
1	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và Nhà ở riêng lẻ	20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Ủy ban nhân dân các quận huyện và thành phố Thủ Đức; - Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất; - Ban Quản lý Khu công nghệ cao. 	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhà ở riêng lẻ: 75.000 đồng/giấy phép. + Công trình: 150.000 đồng/giấy phép. <p>Đối tượng miễn thu: Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tuyến từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025: 0 đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây 	<p>* Cơ quan thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức: trừ các công trình thuộc thẩm quyền của Ban quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất, Ban Quản lý Khu công nghệ cao. - Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp: đối với công trình cấp III, cấp IV được đầu tư xây dựng trong các khu chế xuất, khu công nghiệp. - Ban Quản lý Khu công nghệ cao: đối với các dự án, công trình thuộc phạm vi quản lý.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và Nhà ở riêng lẻ	20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Ủy ban nhân dân các quận huyện và thành phố Thủ Đức; - Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất; - Ban Quản lý Khu công nghệ cao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp: + Nhà ở riêng lẻ: 75.000 đồng/giấy phép. + Công trình: 150.000 đồng/giấy phép. Đối tượng miễn thu: Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng - Nộp hồ sơ trực tuyến từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025: 0 đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; - Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 19/5/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức thu lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính áp dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; - Quyết định số 1334/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, bãi 	
3	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV	20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối	<ul style="list-style-type: none"> - Ủy ban nhân dân các quận huyện và thành phố 	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp: + Nhà ở riêng lẻ: 75.000 		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	(công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và Nhà ở riêng lẻ	với nhà ở riêng lẻ, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Thủ Đức; - Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất; - Ban Quản lý Khu công nghệ cao.	đồng/giấy phép. + Công trình: 150.000 đồng/giấy phép. Đối tượng miễn thu: Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng - Nộp hồ sơ trực tuyến từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025: 0 đồng.	bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
4	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô	20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Ủy ban nhân dân các quận huyện và thành phố Thủ Đức; - Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất;	- Nộp hồ sơ trực tiếp: + Nhà ở riêng lẻ: 75.000 đồng/giấy phép. + Công trình: 150.000 đồng/giấy phép.		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và Nhà ở riêng lẻ		- Ban Quản lý Khu công nghệ cao.	Đối tượng miễn thu: Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng - Nộp hồ sơ trực tuyến từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025: 0 đồng.		
5	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Ủy ban nhân dân các quận huyện và thành phố Thủ Đức; - Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất; - Ban Quản lý Khu công nghệ cao.	- Nộp hồ sơ trực tiếp: 15.000 đồng/giấy phép. Đối tượng miễn thu: Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Nộp hồ sơ trực tuyến từ ngày 01/01/2025 đến		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và Nhà ở riêng lẻ			ngày 31/12/2025: 0 đồng.		
6	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và Nhà ở	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Ủy ban nhân dân các quận huyện và thành phố Thủ Đức; - Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất; - Ban Quản lý Khu công nghệ cao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp: 15.000 đồng/giấy phép. Đối tượng miễn thu: Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Nộp hồ sơ trực tuyến từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025: 0 đồng. 		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	riêng lẻ					

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

C1. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của các Sở, Ban Quản lý

TT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Văn bản quy định việc bãi bỏ TTHC
1	Công nhận chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại được chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư)	Quyết định số 1567/QĐ-UBND ngày 22/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nhà ở, Hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (<i>thứ tự A.I.2, A.I.3, C.I.1</i>).	- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023; - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở; - Quyết định số 915/QĐ-BXD ngày 09/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
2	Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất liền kề nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP		
3	Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất đối với nhà ở xây dựng trên đất trống trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP		
4	Công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư	Quyết định số 5392/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc	
5	Công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư		

		công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (<i>thứ tự A.A1.II.1, A.A1.II.2</i>).	
6	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	- Quyết định số 1567/QĐ-UBND ngày 22/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nhà ở, Hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (<i>thứ tự A.I.1, A.I.4, A.I.5, B.I.1, B.I.2, B.I.3</i>).	- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023; - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;
7	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước		- Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 25/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. <i>(Thủ tục bãi bỏ do được thay thế)</i>
8	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước		
9	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		
10	Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước		
11	Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh	- Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý	

			<p>nhà ở xã hội;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 891/QĐ-BXD ngày 25/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. <p><i>(Thủ tục bãi bỏ do được thay thế)</i></p>
12	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	<p>Quyết định số 3493/QĐ-UBND ngày 05/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh <i>(thứ tự A.II.1, A.II.2, A.II.3)</i>.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Quyết định số 1334/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức
13	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng		
14	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do hết hạn hoặc gần hết hạn		

			năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. <i>(Thủ tục bãi bỏ do được thay thế)</i>
15	Thông báo nhà ở đủ điều kiện được bán, cho thuê mua đối với nhà ở thương mại hình thành trong tương lai	Quyết định số 5091/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (<i>thứ tự I.1, I.2, I.3</i>).	- Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023; - Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; - Quyết định số 891/QĐ-BXD ngày 25/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
16	Thông báo dự án nhà ở đủ điều kiện được huy động vốn theo hình thức góp vốn, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên kết.		<i>(Thủ tục bãi bỏ do được thay thế)</i>
17	Thông báo nhà ở đủ điều kiện bán, cho thuê mua đối với nhà ở xã hội hình thành trong tương lai		
18	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đầu tư	Quyết định số 4261/QĐ-UBND ngày 23/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Hoạt động xây dựng, Vật liệu xây dựng, Giám định tư pháp xây dựng, Quản lý chất lượng công trình xây dựng, Kinh doanh bất động sản, Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (<i>thứ tự B.B2.II.1, B.B2.II.2</i>).	
19	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh quyết định việc đầu tư		

20	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III	<p>Quyết định số 5964/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (<i>thứ tự A.A1.1, A.A1.2, A.A1.3, A.A1.4, A.A1.5, A.A1.6, A.A1.7, A.A1.8, A.A1.9, A.A1.10, A.A1.11, A.A1.12, A.A1.13, A.A1.14, A.A2.3, A.A2.4, A.A2.5, A.A2.6, A.A2.7, A.A2.8</i>).</p>	<p>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Quyết định số 1334/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. <i>(Thủ tục bãi bỏ do được thay thế)</i></p>
21	Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III		
22	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng)		
23	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (bị ghi sai thông tin)		
24	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III		
25	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III của cá nhân người nước ngoài		
26	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III		
27	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III		
28	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do mất, hư hỏng)		
29	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (bị ghi sai thông tin)		
30	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng		

	III		
31	Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III		
32	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài		
33	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài		
34	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)		
35	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)		
36	Cấp Giấy phép di dời đối với công trình trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo		

	tuyên trong đô thị/Dự án)		
37	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)		
38	Gia hạn giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)		
39	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)		
40	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	Quyết định số 3849/QĐ-UBND ngày 18/9/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được phân cấp theo quy định tại Nghị định số 84/2024/NĐ-CP	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
41	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi		

	đầu tư xây dựng điều chỉnh	ngày 10/7/2024 của Chính phủ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (<i>thứ tự I.1, I.2</i>).	<p>- Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh;</p> <p>- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;</p> <p>- Quyết định số 1334/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p> <p><i>(Thủ tục bãi bỏ do được thay thế)</i></p>
--	----------------------------	--	--

C2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các Ban Quản lý

TT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Văn bản quy định việc bãi bỏ TTHC
1	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không	Quyết định số 5964/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của Chủ tịch Ủy	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

	theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và Nhà ở riêng lẻ	ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (<i>thứ tự A.A3.1, A.A3.2, A.A3.3, A.A3.4, A.A3.5, A.A3.6</i>).	<ul style="list-style-type: none"> - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; - Quyết định số 1334/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. <p>(<i>Thủ tục bãi bỏ do được thay thế</i>)</p>
2	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và Nhà ở riêng lẻ		
3	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và Nhà ở riêng lẻ		
4	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công		

	trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và Nhà ở riêng lẻ		
5	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và Nhà ở riêng lẻ		
6	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và Nhà ở riêng lẻ		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 818/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam
thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ban Quản lý các Khu chế xuất và
Công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ
về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm
2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan
đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục
hành chính;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2506/TTr-
SKHĐT ngày 26 tháng 02 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 03 thủ tục hành chính mới
ban hành lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ban Quản lý
các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu công nghệ cao
Thành phố.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy

ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn/chinhquyen> (CÔNG BỐ TTHC, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, Công bố thủ tục hành chính).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 02 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng ban Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Trưởng ban Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Ngọc Hải

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM
THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP,
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ	- Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố (số 35 Nguyễn Bình Khiêm, phường ĐaKao, Quận 1). - Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố (T2-3 Đ. D1, Khu Công nghệ cao, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức).	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 ; - Luật Đầu tư số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
2	Thủ tục điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án thực hiện theo thủ tục đầu tư đặc biệt	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ	- Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố (T2-3 Đ. D1, Khu Công nghệ cao, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức).	Không	- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Nghị định số 19/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Đầu tư về thủ tục đầu tư đặc biệt;
3	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ	- Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố (T2-3 Đ. D1, Khu Công nghệ cao, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức).	Không	- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; - Thông tư số 06/2025/TT-BKHĐT ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>12/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản liên quan đến thủ tục đầu tư đặc biệt;</p> <p>- Quyết định số 453/QĐ-BKHĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ kế hoạch và đầu tư.</p>

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 819/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Người có công
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 5274/TTr-SLĐTBXH ngày 28 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn/chinhquyen> (CÔNG BỐ TTHC, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, Công bố thủ tục hành chính).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho thủ tục có thứ tự 2 tại danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2450/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Ngọc Hải

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	25 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; - Thông tư liên tịch số 17/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 01/8/2014 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a theo Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư số 08/2023/TTLT-BLĐTBXH ngày 29/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a; - Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg ngày 04/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14/10/2013 của Thủ tướng Chính

Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				<p>phủ về trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a;</p> <p>- Quyết định số 462/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ về lĩnh vực lao động, tiền lương, quan hệ lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p>

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 863/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính
lĩnh vực Khu công nghiệp, Khu kinh tế thuộc thẩm quyền
tiếp nhận của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2703/TTr-SKHĐT ngày 28 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 04 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Khu công nghiệp, khu kinh tế thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn/chinhquyen> (CÔNG BỐ TTHC, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, Công bố thủ tục hành chính).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng ban Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Ngọc Hải

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC KHU CÔNG NGHIỆP,
KHU KINH TẾ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT
VÀ CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái	58 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ	Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố (số 35 Nguyễn Bình Khiêm, phường ĐaKao, Quận 1)	Không	<p>- Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.</p> <p>- Thông tư số 05/2025/TT-BKHĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xây dựng khu công nghiệp sinh thái.</p> <p>- Quyết định số 626/QĐ-BKHĐT ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực khu công nghiệp, khu kinh tế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>
2	Thủ tục chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái	Không quy định		Không	
3	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái	30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ		Không	
4	Thủ tục chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái	Không quy định		Không	

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 993/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh mục luồng đường thủy nội địa địa phương
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn năm 2024 đến năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quy định quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số 1711/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) về quy định cấp kỹ thuật đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BGTVT ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2016/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ

Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) quy định cấp kỹ thuật đường thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số 4833/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Đề án Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 - 2030;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải (nay là Sở Giao thông công chính) tại Tờ trình số 537/TTr-SGTVT ngày 14 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định công bố danh mục luồng đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn năm 2024 đến năm 2026, với các nội dung sau:

1. Mục tiêu:

- Làm cơ sở để đầu tư và phát triển hệ thống mạng lưới đường thủy và cảng - bến khu vực Thành phố Hồ Chí Minh một cách hợp lý và đồng bộ, có quy mô phù hợp với từng khu vực, hình thành trung tâm kết nối giữa vận tải thủy nội địa với các phương thức vận tải khác.

- Thực hiện công tác quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa địa phương.

- Tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý nhà nước về quy hoạch ngành và quy hoạch xây dựng các công trình trong phạm vi có liên quan đến bờ và lòng sông, kênh, rạch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Làm cơ sở khuyến khích đầu tư và phát triển các công trình liên quan trực tiếp đến hệ thống sông, kênh, rạch, phát triển năng lực giao thông vận tải đường thủy, hỗ trợ hữu hiệu cho vận tải đường bộ và vận tải đường biển.

2. Danh mục các luồng đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh gồm: 83 luồng đường thủy nội địa, với tổng chiều dài 580,14km. Trong đó:

STT	Nội dung	Số lượng luồng tuyến	Chiều dài (km)
I. Cấp Quy hoạch:			
1	Cấp I	03	29,62
2	Cấp II	01	2,68
3	Cấp III	10	63,21
4	Cấp IV	18	144,43
5	Cấp V	18	171,94
6	Cấp VI	33	168,26
II. Cấp khai thác:			
1	Cấp I	03	29,62
2	Cấp II	01	2,68
3	Cấp III	08	49,15
4	Cấp IV	09	58,48
5	Cấp V	13	92,20
6	Cấp VI	19	117,40
7	Chưa đạt cấp VI	29	198,41
8	Không đánh giá	01	32,20

(Chi tiết danh mục luồng đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh tại Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Tổ chức đầu tư và phát triển hệ thống mạng lưới đường thủy và cảng - bến khu vực Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy hoạch.
2. Tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì công trình kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa địa phương theo đúng quy định.
3. Thực hiện công tác quản lý nhà nước về quy hoạch ngành và quy hoạch xây dựng các công trình trong phạm vi có liên quan đến bờ và lòng sông, kênh, rạch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các Sở, ban-ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã - thị trấn, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Xuân Cường

Phụ lục
CÔNG BỐ DANH MỤC LUỒNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
GIẢI ĐOẠN NĂM 2024 ĐẾN NĂM 2026

*(Kèm theo Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2025
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

S T T	Tên Tuyến	Phạm vi		Chiều dài (km)	Cấp kỹ thuật		Ghi chú
		Điểm đầu (hạ lưu)	Điểm cuối (thượng lưu)		Quy hoạch	Khai thác	
(1)	(2)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Khu vực huyện Củ Chi			47.36			
1	Rạch Láng The - Bến Mương	Sông Sài Gòn	Cầu Bến Mương	11.12	VI	Chưa đạt cấp VI	
2	Kênh Thầy Cai	Kênh An Hạ	Ranh giới Long An	25.40	V	Chưa đạt cấp VI	
3	Kênh Địa Phận	Rạch Tra	Rạch Láng The	10.84	VI	Chưa đạt cấp VI	
II	Khu vực huyện Hóc Môn và Quận 12			55.18			
4	Rạch Tra	Sông Sài Gòn	Kênh Thầy Cai	11.15	IV	VI	
5	Kênh An Hạ	Cầu Xáng TL10	Kênh Thầy Cai	15.16	V	Chưa đạt cấp VI	
6	Kênh Xáng An Hạ - kênh Xáng Lý Văn Mạnh	Sông Bến Lúc	Cầu Xáng TL10	18.45	IV	VI	
7	Rạch Cầu Mênh - Bến Cát	Sông Trương Đay	Rạch Tra	10.42	VI	Chưa đạt cấp VI	
III	Khu vực nội thành			57.25			
8	Sông Vàm Thuật - Bến Cát - Trương	Sông Bến Lúc	Sông Sài Gòn	32.20	V	-	Đang thi

	Đáy - Tham Lương - Rạch Nước Lên						công
9	Kênh Ngang Số 3	Kênh Đôi	Kênh Tàu Hủ - Lò Gốm	0.46	V	V	
10	Kênh Ngang Số 2	Kênh Đôi	Kênh Tàu Hủ - Lò Gốm	0.48	V	V	
11	Rạch Lò Gốm - Ông Buông	Kênh Tàu Hủ - Lò Gốm	Đường Bùi Cầm Hổ	4.39	VI	Chưa đạt cấp VI	
12	Kênh Tàu Hủ - Lò Gốm	Kênh Đôi	Rạch Bến Nghé	8.89	V	V	
13	Rạch Bến Nghé	Kênh Tàu Hủ	Sông Sài Gòn	3.22	V	Chưa đạt cấp VI	
14	Rạch Nhiêu Lộc - Thị Nghè	Sông Sài Gòn	Cầu Lê Văn Sĩ	6.00	VI	Chưa đạt cấp VI	
15	Kênh Thanh Đa	Sông Sài Gòn	Sông Sài Gòn	1.60	V	VI	
IV	Khu vực Thành phố Thủ Đức			70.00			
16	Sông Vĩnh Bình	Sông Sài Gòn	Rạch Nước Trong	1.84	VI	VI	
17	Rạch Gò Dưa	Sông Sài Gòn	Cuối tuyến	4.52	VI	Chưa đạt cấp VI	
18	Rạch Chiếc - Trau Trầu	Sông Sài Gòn	Sông Tắc	11.10	IV	Chưa đạt cấp VI	
19	Rạch Ông Nhiêu	Sông Đồng Nai	Rạch Trau Trầu	7.42	IV	VI	
20	Rạch Cây Cam	Sông Tắc	Rạch Trau Trầu	3.32	VI	Chưa đạt cấp VI	
21	Rạch Môn - Sông Kinh	Rạch Ông Nhiêu	Sông Tắc	3.70	VI	Chưa đạt cấp VI	
22	Rạch Bà Đá - Rạch	Sông Đồng	Sông Tắc	5.97	VI	Chưa	

	Giáng	Nai				đạt cấp VI	
23	Sông Tác	Sông Đồng Nai	Sông Đồng Nai	11.99	IV	VI	
24	Rạch Bà Cua - Ông Cày	Sông Đồng Nai	Rạch Chiềc	7.40	VI	Chưa đạt cấp VI	
25	Rạch Đồng Trong - Rạch Giồng Ông Tố	Sông Sài Gòn	Rạch Chiềc	5.57	IV	Chưa đạt cấp VI	
26	Sông Kỳ Hà	Sông Sài Gòn	Đường Võ Chí Công	4.45	VI	Chưa đạt cấp VI	
27	Rạch Cá Trê Lớn	Sông Sài Gòn	Sông Sài Gòn	2.72	VI	Chưa đạt cấp VI	
V	Khu vực huyện Bình Chánh			41.02			
28	Rạch Bà Ty	Sông Bến Lức	Kênh Xáng	3.90	VI	Chưa đạt cấp VI	
29	Sông Cần Giuộc	Sông Cần Giuộc (tuyến TW)	Sông Bến Lức	11.50	III	IV	
30	Rạch Bà Lớn - Rạch Chôm	Kênh Đôi	Cuối tuyến	5.51	VI	Chưa đạt cấp VI	
31	Rạch Bà Lào (Xã Tồn) - Rạch Ngang	Rạch Gò Nổi	Rạch Xóm Củi	6.28	VI	Chưa đạt cấp VI	
32	Rạch Xóm Củi - Gò Nổi	N3 Kênh Cây Khô	Kênh Đôi	8.07	V	V	
33	Tắc Bến Rô	Kênh Cây Khô	Rạch Xóm Củi	2.09	VI	VI	
34	Rạch Chiểu - Cầu Bà Cả	Sông Cần Giuộc (tuyến TW)	Cuối tuyến (Đa Phước)	3.67	VI	VI	
VI	Khu vực Quận 7, huyện Nhà Bè			58.87			
35	Rạch Tác Rôi (Rạch	Sông Sài Gòn	Hạ lưu cầu	1.42	VI	VI	

	Cầu Kinh)	Gòn	Trảng				
36	Rạch Cả Cẩm	Rạch Roi	Cầu Đa Khoa	2.38	VI	Chưa đạt cấp VI	
37	Rạch Tam Đệ	Sông Nhà Bè	Đường Đào Trí	1.09	VI	VI	
38	Rạch Đĩa - Rạch Roi - Sông Phú Xuân	Sông Nhà Bè	Rạch Ông Lớn	10.12	IV	VI	
39	Rạch Tôm (nhánh Phú Xuân - Mương Chuối)	Sông Mương Chuối	Sông Phú Xuân	2.58	IV	IV	
40	Rạch Ông Lớn 2 - Sông Phước Kiển - Mương Chuối	Sông Soài Rạp	Kênh Cây Khô	8.92	IV	Chưa đạt cấp VI	
41	Rạch Tôm (Nhánh Phước Kiển)	Sông Phước Kiển	Sông Cần Giuộc (tuyến TW)	4.73	V	Chưa đạt cấp VI	
42	Rạch Bà Chiêm - Bà Chùa - Lấp Dầu	Sông Mương Chuối	Rạch Dơi	4.69	VI	Chưa đạt cấp VI	
43	Rạch Dơi - Sông Kinh (Sông Đồng Điền)	Sông Soài Rạp	Sông Cần Giuộc	9.13	IV	VI	
44	Rạch Giồng - Sông Kinh Lộ	Sông Soài Rạp	Sông Giồng (Long An)	5.11	IV	IV	
45	Rạch Rộp	Sông Soài Rạp	Rạch Đình	3.99	VI	VI	
46	Rạch Đình - Tắc Mương Lớn	Rạch Giồng - Sông Kinh Lộ	Sông Soài Rạp	4.71	VI	Chưa đạt cấp VI	
VII	Khu vực huyện Cần Giờ			250.47			
47	Tắc Sông Chà	Sông Soài Rạp	Sông Soài Rạp	2.68	II	II	
48	Rạch Tân - Rạch Bông Giếng Lớn	Rạch Lá	Sông Soài Rạp	5.94	VI	Chưa đạt cấp VI	

49	Rạch Lá - Tắc Tây Đen	Sông Lòng Tàu	Sông Soài Rạp	15.03	V	V	
50	Rạch Tắc Rán	Kênh Bà Tổng - Tắc Ông Nghĩa	Rạch Lá Tắc Tây Đen	2.09	V	V	
51	Kênh Bà Tổng	Tắc Ông Nghĩa	Sông Soài Rạp	2.58	III	V	
52	Tắc Ông Nghĩa	Sông Lòng Tàu	Kênh Bà Tổng	4.69	III	III	
53	Rạch Đôn	Sông Lòng Tàu	Sông Soài Rạp	9.42	VI	VI	
54	Sông Vàm Sát	Sông Soài Rạp	Sông Lò Rèn	10.62	III	III	
55	Rạch Góc Tre Nhỏ	Sông Soài Rạp (đường Lý Nhơn)	Sông Vàm Sát	4.31	VI	Chưa đạt cấp VI	
56	Sông Dinh Bà 1 - Lôi Giang	Sông Lò Rèn	Sông Lòng Tàu	10.38	V	V	
57	Rạch Tắc Rỏi	N3 Tắc Đình Cậu - Tắc Rỏi	Sông Dừa (đoạn ĐTNĐ)	3.38	III	III	
58	Sông Dừa	Tắc Rỏi	Sông Dừa (đoạn hàng hải)	2.60	III	III	
59	Tắc Ăn Tết - Tắc Cầu Kho	Sông Dừa (Tắc Cà Dao)	Sông Dừa	5.32	VI	VI	
60	Rạch Đuôi Cá	Tắc Bức Mây	Sông Đồng Tranh 1	4.05	VI	VI	
61	Tắc Bức Mây	Sông Đồng Tranh 1	Tắc Bài	5.04	IV	IV	
62	Rạch Thiêng Liêng	Sông Lòng Tàu	Tắc Bức Mây	7.44	IV	IV	
63	Tắc Đồi Nợ	Rạch Cá Nhán	Tắc Bài	3.61	IV	VI	
64	Rạch Cá Nhán	Sông Thêu	Tắc Đồi Nợ	6.88	IV	IV	

65	Rạch Năm Mười	Sông Thêu	Rạch Thiêng Liêng	3.53	V	V	
66	Sông Thêu	Cửa Cắn Giờ	Sông Cái Mép	10.31	I	I	
67	Rạch Mồng Gà - Tắc Móc Mu	Sông Ngã Bảy	Tắc Cống	5.26	VI	VI	
68	Tắc Cống	Sông Ông Tiên	Sông Lòng Tàu	5.78	VI	VI	
69	Sông Ông Tiên - Cá Gau	Sông Lòng Tàu	Sông Lò Vôi	9.22	V	V	
70	Sông Mùng Năm - Tắc Ấn Chè	Sông Ông Tiên	Sông Dàn Xây	6.90	V	V	
71	Sông Dàn Xây	Sông Dinh Bà	Sông Lòng Tàu	4.39	III	III	
72	Sông Dinh Bà	Sông Lò Rèn	Sông Dàn Xây	6.02	III	III	
73	Sông Lò Rèn	Sông Vàm Sát	Sông Dinh Bà	3.97	III	III	
74	Rạch Tràm - Kênh Kê	Sông Cát Lái	Sông Dinh Bà 1	5.83	IV	IV	
75	Sông Cát Lái - Sông Vàm Sát	Sông Đồng Tranh 2	Sông Lò Rèn	13.48	III	III	
76	Sông Cá Nhám Lớn - Rạch Cá Nháp Lớn	Cửa Soài Rạp	Sông Cát Lái	10.44	VI	Chưa đạt cấp VI	
77	Sông Mũi Nai	Sông Đồng Tranh 2	Sông Dàn Xây	6.81	I	I	
78	Sông Đồng Tranh 2	Cửa Biển Đông	Sông Cát Lái	12.50	I	I	
79	Sông Lò Vôi	Sông Đồng Đình	Sông Mùng Năm	13.70	V	V	
80	Sông Đồng Đình - Bãi Tiên	Sông Dinh Bà 2	Cửa Cắn Giờ	7.78	IV	IV	
81	Sông Dinh Bà 2	Sông Bãi Tiên	Cửa Cắn Giờ	6.32	IV	IV	
82	Sông Hà Thanh - Đồng Hòa	Cửa Biển	Sông Dinh Bà 2	10.87	V	V	

83	Rạch Long Thạnh	Sông Đồng Hòa	Bến đò Long Thạnh	1.32	VI	Chưa đạt cấp VI
----	-----------------	---------------	-------------------	------	----	-----------------

Tổng cộng 83 tuyến với tổng chiều dài 580,14km.

Trong đó:

1. Cấp Quy hoạch:	Số tuyến	Chiều dài (km)
Cấp I	03	29,62
Cấp II	01	2,68
Cấp III	10	63,21
Cấp IV	18	144,43
Cấp V	18	171,94
Cấp VI	33	168,26
2. Cấp khai thác:		
Cấp I	03	29,62
Cấp II	01	2,68
Cấp III	08	49,15
Cấp IV	09	58,48
Cấp V	13	92,20
Cấp VI	19	117,40
Chưa đạt cấp VI	29	198,41
Không đánh giá	01	32,20

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng